

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Như.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh.

2. Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Hà Đức H, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N: Luật sư Phan Văn T - Thuộc Văn phòng L3 và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số H, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Hà Mạnh H1, sinh năm 1985. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Anh Hà Đức H trình bày: Anh không quen biết gì đối với anh Nguyễn Mạnh H2, anh biết anh H2 là qua người hàng xóm bên cạnh nhà anh giới thiệu. Anh H2 nói với anh có thể làm thủ tục tách đất và anh có nhu cầu cấp đổi và tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhờ anh H2 làm thủ tục tách đất. Ngày 24/8/2023, giữa anh và anh H2 có thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc anh thuê anh H2 làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất: Tách thửa đối với thửa đất số: 2251; Tờ bản đồ số: 16; Diện tích: 160 m², (Nay là thửa đất số: 2433; Tờ bản đồ số: 16; Diện tích: 112 m³) được UBND huyện L cấp ngày 11/01/2011 mang tên ông Hà Đức H3 và bà Dương Thị T1; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đối với

thửa đất này anh nhờ anh H2 tách làm hai thửa đứng tên anh và em gái anh Hà Thị H4. Ngày 31/8/2023, giữa anh và anh H2 có ký hợp đồng viết tay với nhau với nội dung anh thuê anh H2 làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi mang tên anh và em gái anh với giá là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu), anh đã chuyển cho anh H2 được 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu) trong đó bằng hình thức chuyển khoản 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu) và 10.000.000 đồng (Mười triệu) anh đưa cho anh H2 tiền mặt. Trước đó ngày 26/8/2023, anh có ký hợp đồng thuê anh H2 làm Cấp đổi đất chuyên trồng lúa nước sang đất vườn đôi với thửa đất số 842; Tờ bản đồ số 31; Diện tích: 142,4 m², được UBND huyện L cấp ngày 15/10/2015 mang tên hộ ông Hà Đức H3, và bà Dương Thị T1; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu), anh đã thanh toán cho anh H2 toàn bộ số tiền này bằng hình thức chuyển khoản. Anh H2 có cam kết trong khoảng thời gian 02 tháng sẽ ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh, nếu không hoàn thành công việc sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. Anh đã đưa trực tiếp tiền mặt là 10.000.000 đồng (mười triệu) cho anh H2 và chuyển khoản số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu) vào số tài khoản 911858888 Ngân hàng A1 mang tên Hà Mạnh H1 (Có sao kê của Ngân hàng V kèm theo). Tổng số tiền anh H1 đã nhận của anh là: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu). Từ đó đến nay anh H1 không thực hiện được tách thửa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như hợp đồng hai bên đã ký kết, vi phạm việc cam kết trong hợp đồng nhưng cũng không trả số tiền đã nhận của anh. Do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng thuê làm sổ đỏ ngày 26/8/2023, ngày 31/8/2023 giữa anh và anh Hà Mạnh H1, buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh số tiền 240.000.000 đồng và trả cho anh số tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2024 với lãi suất là 10%/năm là 9.960.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử vụ án.

- Chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị cũng không quen biết hay có họ hàng gì với anh Hà Mạnh H1, chị có biết anh H1 qua hàng xóm giới thiệu. Gia đình chị có nhu cầu tách thửa đôi với thửa đất số 82; Tờ bản đồ số 67; Diện tích 915,8m²: Được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/10/2015 mang tên chị và chồng chị Phạm Văn B; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nên ngày 06/9/2023, chị và chồng chị Phạm Văn B đã thống nhất thuê anh H1 làm thủ tục tách sổ đỏ cho gia đình chị. Nên vợ chồng chị đã lập

hợp đồng thuê tách sổ đỏ (Viết tay) đối với thửa đất nêu trên với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu). Trong hợp đồng anh H1 có cam kết trong vòng 40 ngày nếu không xong sổ sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền như đã thỏa thuận. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng chị đã đưa trực tiếp số tiền tạm ứng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu), anh H1 đã ký nhận đủ số tiền tạm ứng tiền. Tuy nhiên anh H1 không thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng hai bên ký kết và từ đó đến nay cũng không thực hiện được việc tách sổ cho chị và cũng không trả tiền chị. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy hợp đồng thuê tách sổ đỏ ngày 06/9/2023 giữa anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Mạnh H2, buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho vợ chồng chị số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) và trả cho vợ chồng chị số tiền lãi từ ngày 15/10/2023 đến ngày 31/3/2024 với lãi suất là 10%/năm là 1.427.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn) và tiền lãi đến ngày xét xử vụ án.

- Anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh không quen biết gì với anh H1, anh biết anh H1 thông qua người hàng xóm nhà anh giới thiệu. Anh có nói với anh Phạm Văn B là hiện tại gia đình đang có nhu cầu tách quyền sử dụng đất nhưng không nắm rõ thủ tục để làm. Anh B có nói biết anh Hà Mạnh H1 có thể làm được, nên đã giới thiệu cho anh. Khoảng ngày 20/9/2023, anh đã gặp anh H1 và thỏa thuận bằng miệng là nhờ anh H1 tách thửa với thửa đất số 25; Tờ bản đồ 1416; Diện tích: 784 m²: Theo bản đồ đo đạc năm 2023 với tổng số tiền là 155.000.000 đồng mang tên chủ hộ Nguyễn Văn N1; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 10/10/2023, anh và anh H1 có ký hợp đồng với nhau với giá thỏa thuận là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu) bao gồm cả tiền công, tiền phí. Tức là khi anh nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của anh có 200m² là đất ở thì anh chỉ phải mất cho anh H1 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu), không mất thêm bất cứ một khoản nào khác với anh H1 cũng như nhà nước. Anh đã ứng trước cho anh H1 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu). Anh đã chuyển khoản vào số tài khoản 911858888 Ngân hàng ACB mang tên Hà Mạnh H1 (Có sao kê của Ngân hàng B1 kèm theo). Ngày 21/9/2023, anh H1 đã đưa người về đo đạc và giới thiệu với anh là cán bộ trên huyện anh không nhớ tên. Sau khi đo đạc xong anh H1 yêu cầu anh tiếp tục chuyển tiền tạm ứng, ngày 24/9/2023 anh đã chuyển cho anh H1 số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu) vào số tài khoản nêu trên. Ngày 25/9/2023, anh H1 đã gửi cho anh sơ đồ kết quả đo đạc

nhưng chưa có chữ ký xác nhận trên sơ đồ qua Zalo điện thoại của anh. Ngày 10/10/2023, anh H1 tiếp tục yêu cầu anh chuyển tiền tạm ứng để làm các bước tiếp theo. Anh đã chuyển cho anh H1 tổng số tiền là 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) vào số tài khoản 911858888 Ngân hàng A1 mang tên Hà Mạnh H1 (Có sao kê của Ngân hàng B1 kèm theo). Sau khi chuyển đủ số tiền tạm ứng như đã thống nhất nên ngày 10/10/2023 anh và anh H1 có lập Hợp đồng thuê làm sổ hồng (GCN QSDĐ) viết tay để ghi nhớ. Trong bản hợp đồng anh H1 có cam kết trong khoảng thời gian 03 tháng sẽ ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh, nếu không hoàn thành công việc sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận và trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng N2, tuy nhiên anh H1 không thực hiện được việc làm sổ đỏ như trong hợp đồng hai bên ký kết nhưng cũng không hoàn trả cho anh số tiền đã nhận của anh. Do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh số tiền 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) và trả cho anh số tiền lãi từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/01/2024 với lãi suất là 6%/năm là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu) x 0,50%/tháng x 3 tháng = 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) và từ ngày 11/01/2024 đến ngày 31/3/2024 là 10% năm là 1.810.783 đồng (Một triệu tám trăm mười nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi đến ngày xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 31/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Mạnh H1 trình bày:

Anh và anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N, vợ chồng anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị L không quen biết, không có họ hàng gì.

Đối với vợ chồng anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị L: Ngày 06/9/2023, tại gia đình anh B chị là anh và vợ chồng anh B chị L có ký hợp đồng với nhau. Theo nội dung hợp đồng này thì vợ chồng anh B, chị L là người đứng ra thuê anh làm thủ tục tách thửa đất đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 67 tại thôn N, xã M. Thửa đất này tại thời điểm ký hợp đồng thuê tách mang tên anh Phạm Văn B. Vợ chồng anh B, chị L thuê anh làm thủ tục để tách thửa đất của vợ chồng anh B, chị L ra làm 5 thửa đất với giá là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu). Anh đã nhận tiền của vợ chồng anh B, chị L là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) trước. Còn 10.000.000 đồng (Mười triệu) thì hẹn 40 ngày sau sẽ thanh toán. Thời hạn thực hiện thủ tục tách sổ đỏ là 40 ngày kể từ ngày ký hợp đồng 06/9/2023. Tại thời điểm đưa tiền có mặt cả hai vợ chồng anh B, chị L.

Sau khi hai bên thoả thuận bằng văn bản thì anh đã thuê đơn vị đo đạc nhưng anh không nhớ tên của đơn vị, đơn vị này do người quen giới thiệu cho anh. Thời điểm đo đạc vào ngày nào thì anh không nhớ cụ thể. Sau khi đo xong thì diện tích, ranh giới, mốc giới không trùng với giấy chứng nhận đã được cấp, anh có liên hệ với vợ chồng anh B, chị L để mang hồ sơ, giấy tờ tài liệu để phục vụ làm hồ sơ nhưng vợ chồng anh B, chị L không hợp tác do vậy công việc không thể tiến hành thêm được nữa. Sau đó vợ chồng anh B, chị L có làm đơn tố cáo anh đến Công an tỉnh B. Đến nay, Công an tỉnh B không khởi tố vụ án hình sự đối với anh. Nay vợ chồng ông B, bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh phải trả cho vợ chồng anh B chị L số tiền đã nhận là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) và tiền lãi từ ngày 15/10/2023 đến khi trả xong số tiền với mức lãi suất là 10%/năm thì anh chỉ nhất trí trả cho vợ chồng anh B, chị L số tiền đã nhận là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị cho anh trả dần. Về tiền lãi thì anh không đồng ý trả vì giữa hai bên không có quan hệ vay mượn.

Đối với anh Nguyễn Đức H5: Anh và anh H5 có thoả thuận miệng với nhau về việc anh H5 thuê anh làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2251, tờ bản đồ số 16 tại xóm H, xã M, huyện L mang tên bố anh H5 là ông Hà Văn H6 làm hai thửa đứng tên anh H5 và em gái anh H5 là chị Hà Thị H4. Đến ngày 31/8/2023, giữa anh và anh H5 có ký hợp đồng viết tay với nhau về nội dung trên. Theo nội dung hợp đồng này thì anh H5 thuê anh làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi mang tên anh H5 và em gái anh H5 với giá là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu). Anh đã nhận của anh H5 140.000.000 triệu (Một trăm bốn mươi triệu) bằng hình thức chuyển khoản 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu) và 10.000.000 đồng (Mười triệu) anh H5 đưa tiền mặt. Trước đó ngày 26/8/2023, anh cũng có ký hợp đồng với anh H5 về việc anh H5 thuê anh làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này anh ký hợp đồng với anh H5 chi phí làm dịch vụ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu). Anh đã nhận đủ toàn bộ số tiền này bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của anh do anh H5 chuyển. Sau khi hai bên thoả thuận bằng văn bản thì anh đã thuê đơn vị đo đạc nhưng anh không nhớ tên của đơn vị, đơn vị này do người quen giới thiệu cho anh. Thời điểm đo đạc vào ngày nào thì anh không nhớ cụ thể. Sau khi đo xong thì diện tích, ranh giới, mốc giới không trùng

với giấy chứng nhận đã được cấp nên anh có liên hệ với anh H5 để mang hồ sơ, giấy tờ tài liệu để phục vụ làm hồ sơ nhưng anh H5 không hợp tác do vậy công việc không thể tiến hành thêm được nữa. Sau đó anh H5 có làm đơn tố cáo anh đến Công an tỉnh B. Đến nay, Công an tỉnh B không khởi tố vụ án hình sự đối với anh. Nay anh H5 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh phải trả cho anh H5 số tiền đã nhận là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu) và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm đến khi xét xử thì anh nhất trí trả H5 số tiền đã nhận của anh H5 là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu) nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị cho anh trả dần. Về tiền lãi thì anh không đồng ý trả vì giữa anh và anh H5 không có quan hệ vay mượn.

Đối với anh Nguyễn Văn N: Ngày 10/10/2023, anh và anh N có ký hợp đồng với nhau. Theo thoả thuận của hai bên thì anh có trách nhiệm làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Tại thời điểm anh làm hợp đồng với anh N thì thửa đất của gia đình anh N chưa được cấp giấy chứng nhận lần nào. Hai bên thoả thuận giá làm dịch vụ là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi năm triệu) bao gồm cả tiền công, tiền phí. Tức là khi anh N nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của anh N có 200m² đất ở thì anh N phải mất cho anh 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi năm triệu), không mất thêm bất kỳ một khoản nào khác với anh cũng như với nhà nước. Anh nhận của anh N số tiền là 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu). Sau khi chuyển số tiền này thì giữa hai bên mới viết hợp đồng. Số tiền còn lại khi bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh N có trách nhiệm bàn giao cho anh. Sau khi ký hợp đồng thoả thuận, anh đã thuê đơn vị đo đạc nhưng anh không nhớ tên của đơn vị, đơn vị này do người quen giới thiệu cho anh. Thời điểm đo đạc vào ngày nào thì anh không nhớ cụ thể. Sau khi đo xong thì diện tích, ranh giới, mốc giới không trùng với giấy chứng nhận đã được cấp nên anh có liên hệ với anh N để mang hồ sơ, giấy tờ tài liệu để phục vụ làm hồ sơ nhưng anh N không hợp tác do vậy công việc không thể tiến hành thêm được nữa. Sau đó anh N có làm đơn tố cáo anh ra Công A tỉnh Bắc Giang. Đến nay, Công an tỉnh B không khởi tố vụ án hình sự đối với anh. Nay anh N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh phải trả cho anh N số tiền 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) và tiền lãi từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/01/2024 với mức lãi suất là 6%/năm. Từ ngày 11/01/2024 đến khi thanh toán trả cho anh N tiền với mức lãi suất là 10%/năm thì đối với số tiền 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) anh

đã nhận của anh N thì anh nhất trí trả cho anh N nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị cho anh trả dần. Về tiền lãi thì anh không đồng ý trả vì hai bên tôi không có quan hệ vay mượn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B trình bày:

Anh với anh H1 không quen biết, không có họ hàng gì. Anh biết anh H1 là qua người hàng xóm cạnh nhà anh giới thiệu. Tại thời điểm anh ký hợp đồng để anh H1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh thì anh không biết anh H1 đang làm nghề nghiệp gì, ở đâu. Ngày 06/9/2023, tại gia đình anh vợ chồng anh và anh H1 có ký hợp đồng với nhau. Theo nội dung hợp đồng này thì vợ chồng anh là người đứng ra thuê anh H1 làm thủ tục tách thửa đất đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 67 tại thôn N, xã M. Thửa đất này tại thời điểm ký hợp đồng thuê tách mang tên anh là Phạm Văn B. Anh và vợ anh thuê anh H1 tách làm 5 thửa đất với giá là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu). Vợ chồng anh đã thanh toán cho anh H1 số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) trước. Còn 10.000.000 đồng (Mười triệu) thì hẹn 40 ngày sau sẽ thanh toán. Thời hạn vợ chồng anh thuê anh H1 thực hiện thủ tục tách sổ đỏ là 40 ngày kể từ ngày 06/9/2023. Vợ anh là người cùng đưa tiền cho anh H1, cùng tham gia buổi ký hợp đồng và giao tiền. Đây là tài sản chung của vợ chồng anh. Vì vậy, vợ chồng anh đã thống nhất để vợ anh là chị Nguyễn Thị L làm đơn khởi kiện. Thửa đất anh thuê anh H1 làm sổ đỏ hiện nay vẫn mang tên anh, vợ chồng anh chưa được cấp giấy, chưa tách làm thửa nào. Bản thân anh cũng chưa đi làm thủ tục tách thửa đất. Sau khi hai bên thoả thuận bằng văn bản thì anh H1 có đưa người về đo vẽ thửa đất của gia đình anh đối với thửa đất chưa được cấp giấy lần nào. Ngày anh H1 cho người về đo vẽ là trước ngày ký hợp đồng mấy ngày. Đơn vị nào về đo vẽ thì anh cũng không rõ. Anh cũng không được nhận kết quả đo vẽ của công ty, tổ chức hay cơ quan nhà nước nào. Anh và anh H1 không có thoả thuận miệng trước ngày ký hợp đồng. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của vợ anh, yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh H1 phải trả cho vợ chồng anh số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu). Yêu cầu anh H1 phải trả cho vợ chồng anh tiền lãi từ ngày 15/10/2023 đến khi trả xong số tiền với mức lãi suất là 10%/năm. Từ ngày 15/10/2023 đến ngày 31/3/2024 là 1.427.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử vụ án, đề nghị Tòa án hủy hợp đồng ký kết giữa vợ chồng anh với anh H1. Vì công việc bận anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H7 trình bày: Chị và anh Hà Mạnh H1 kết hôn với nhau vào năm 2011. Sau khi kết hôn thì chị và anh H1 về chung sống cùng nhau ngay. Liên quan đến nội dung vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đang thụ lý giải quyết giữa các nguyên đơn anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N và bị đơn anh Hà Mạnh H1 thì chị có ý kiến như sau: Việc anh H1 và anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N thỏa thuận ký kết hợp đồng về việc làm sổ đỏ với nhau như thế nào thì chị không được biết, anh H1 không nói với chị về việc này. Việc anh H1 nhận tiền của các anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N như thế nào thì chị cũng không được biết, không được sử dụng số tiền này của anh H1, anh H1 cũng không nói gì với chị. Đây là việc riêng cá nhân của anh H1, cá nhân anh H1 phải có trách nhiệm giải quyết không liên quan đến chị. Do vậy, chị xác định không có liên quan gì đến vụ án. Chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án, chị từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị L1 trình bày: Chị là vợ anh Hà Đức H đang có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa về việc yêu cầu anh Hà Mạnh H1 trả lại cho anh H tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc anh H thỏa thuận với anh H1 như thế nào thì chị không được biết, nguồn tiền này chị không có đóng góp gì, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa không đưa chị tham gia tố tụng trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị L2 trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Văn N đang có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa về việc yêu cầu anh Hà Mạnh H1 trả lại cho anh N tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc anh N thỏa thuận với anh H1 như thế nào thì chị không được biết, nguồn tiền này chị không có đóng góp gì, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa không đưa chị tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa : Anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Hà Mạnh H1 phải hoàn trả số tiền đã nhận và yêu cầu Tòa án tuyên hủy các hợp đồng (Viết tay) ký kết với anh Hà Mạnh H1 để thuê anh H1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

tách thửa. Đối với yêu cầu anh Hà Mạnh H1 phải trả tiền lãi đối với số tiền chưa trả anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N xin rút yêu cầu tính lãi. Đến nay anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu anh Hà Mạnh H1 phải trả số tiền lãi.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hà Mạnh H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh H1, anh B và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn sự chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 429, Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L.

- Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê làm sổ đỏ ngày 26/8/2023 và ngày 31/8/2023 (Viết tay) giữa anh Hà Đức H và anh Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục hồ sơ tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê làm sổ hồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ngày 10/10/2023 (Viết tay) giữa anh Nguyễn Văn N và anh

Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê tách sổ đỏ ngày 6/9/2023 (Viết tay) giữa anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục hồ sơ tách thửa đối với thửa đất tại xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh Hà Đức H số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu). Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu). Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của anh Hà Đức H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N đối với anh Hà Mạnh H1.

2. Về án phí anh Hà Mạnh H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy các hợp đồng dịch vụ được chấp nhận và chịu án phí đối với số tiền phải trả cho các nguyên đơn, hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh Hà Mạnh H1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ và trả tiền theo hợp đồng dịch vụ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa giữa các bên, đến nay Hà Mạnh H1 vi phạm việc thực hiện hợp đồng các bên đã thỏa thuận. Anh Hà Mạnh H1 có nơi cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Hà Mạnh H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng anh H1 và anh B.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh H1 được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Căn cứ vào chứng cứ, hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 26/8/2023 và ngày 31/8/2023, giữa anh Hà Đức H và anh Hà Mạnh H1 có ký hợp đồng thực hiện dịch vụ tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung anh Hà Mạnh H1 nhận làm dịch vụ thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển mục đích sử dụng đất của anh Hà Đức H tại xóm H, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian thực hiện là 02 tháng kể từ ngày ký. Thực hiện hợp đồng, anh Hà Mạnh H1 đã nhận tổng số tiền là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu) và các giấy tờ về quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đến nay, anh Hà Mạnh H1 vẫn không thực hiện dịch vụ tách thửa và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hai bên thỏa thuận. Mặc dù anh H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía anh Hà Mạnh H1 vẫn lẩn tránh và không thực hiện cam kết đã thỏa thuận giữa các bên và cũng không trả lại tiền đã nhận. Xét tranh chấp trên là có thật, do anh Hà Mạnh H1 vi phạm việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian 02 tháng theo như hai bên thỏa thuận anh H1 không thực hiện dịch vụ làm thủ tục nhà đất như thỏa thuận, đến nay anh H1 cũng thừa nhận chưa thực hiện được công việc theo như hợp đồng và nhất trí trả lại số tiền đã nhận là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu) cho anh Hà Đức H. Xét yêu cầu của anh Hà Đức H yêu cầu hủy hợp đồng thực hiện dịch vụ việc làm thủ tục tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/8/2023 và ngày 31/8/2023 giữa anh Hà Đức H và anh Hà Mạnh H1, đồng thời buộc anh Hà Mạnh H1 phải hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu), thì theo quy định tại các Điều 429,

Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Căn cứ vào chứng cứ, hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/10/2023 giữa Nguyễn Văn N và anh Hà Mạnh H1 có ký hợp đồng thực hiện dịch vụ thuê làm sổ hồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nội dung anh Hà Mạnh H1 nhận làm dịch vụ thủ tục lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N đang ở là 200m² đất ở còn lại là đất vườn tại xóm C, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian thực hiện là 03 tháng kể từ ngày ký 10/10/2023 với số tiền thuê là 155.000.000 (Một trăm năm mươi năm triệu). Thực hiện hợp đồng, anh Hà Mạnh H1 đã nhận trước của anh N số tiền là 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên đến nay, anh Hà Mạnh H1 vẫn không thực hiện dịch vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hai bên thỏa thuận. Mặc dù anh N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía anh Hà Mạnh H1 vẫn lẩn tránh và không thực hiện cam kết đã thỏa thuận giữa các bên và cũng không trả lại tiền đã nhận. Xét tranh chấp trên là có thật, do anh Hà Mạnh H1 vi phạm việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian 03 tháng theo như hai bên thỏa thuận anh H1 không thực hiện dịch vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thỏa thuận, đến nay anh H1 cũng thừa nhận chưa thực hiện được công việc theo như hợp đồng và nhất trí trả lại số tiền đã nhận là 85.000.000 đồng (T2 mươi lăm triệu) cho anh Nguyễn Văn N. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn N yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ thuê làm sổ hồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giữa anh Nguyễn Văn N và anh Hà Mạnh H1, đồng thời buộc anh Hà Mạnh H1 phải hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu), thì theo quy định tại các Điều 429, Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.3] Căn cứ vào chứng cứ, hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 6/9/2023 giữa anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh H1 có ký hợp đồng thực hiện dịch vụ thuê làm thủ tục tách sổ đỏ thành 5 sổ cho anh B chị L với giá là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu). Thời gian thực hiện là 40 ngày kể từ ngày ký 6/9/2023, anh B chị L tạm ứng cho anh Hà Mạnh H1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) còn lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu) sau 40 ngày anh Hà Mạnh H1 giao 05 sổ đỏ tách được thì anh B chị L phải

thanh toán cho anh H1. Thực hiện hợp đồng, anh Hà Mạnh H1 đã nhận trước của anh B chị L số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên đến nay, anh Hà Mạnh H1 vẫn không thực hiện dịch vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hai bên thỏa thuận. Mặc dù anh B chị L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía anh Hà Mạnh H1 vẫn lẩn tránh và không thực hiện cam kết đã thỏa thuận giữa các bên và cũng không trả lại tiền đã nhận. Xét tranh chấp trên là có thật, do anh Hà Mạnh H1 vi phạm việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian 40 tháng theo như hai bên thỏa thuận anh H1 không thực hiện dịch vụ tách sổ đỏ như thỏa thuận, đến nay anh H1 cũng thừa nhận chưa thực hiện được công việc theo như hợp đồng và nhất trí trả lại số tiền đã nhận là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) cho anh B chị L. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ làm thủ tục tách sổ đỏ giữa chị Nguyễn Thị L anh Phạm B và anh Hà Mạnh H1, đồng thời buộc anh Hà Mạnh H1 phải hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu), thì theo quy định tại các Điều 429, Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ nên chấp nhận. Số tiền trên là số tiền của vợ chồng anh B chị L nên cần buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho chị Nguyễn Thị L anh Phạm Văn B.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Hà Mạnh H1 phải trả tiền lãi của số tiền đã nhận chưa trả theo quy định. Tại phiên tòa các nguyên đơn anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị L rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trả lãi đối với anh Hà Mạnh H1. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả tiền lãi tại phiên tòa của các nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy cần được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Hà Mạnh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ được chấp nhận và số tiền phải trả cho các nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của các nguyên đơn, nghĩa phải chịu án phí của bị đơn, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 429, Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Đức H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L.

1. Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê làm sổ đỏ ngày 26/8/2023 và ngày 31/8/2023 (viết tay) giữa anh Hà Đức H và anh Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục hồ sơ tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh Hà Đức H số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của anh Hà Đức H đối với anh Hà Mạnh H1.

2. Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê làm sổ hồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ngày 10/10/2023 (viết tay) giữa anh Nguyễn Văn N và anh Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của anh Nguyễn Văn N đối với anh Hà Mạnh H1.

3. Hủy giao dịch dân sự là hợp đồng thuê tách sổ đỏ ngày 6/9/2023 (viết tay) giữa anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh H1 về việc làm dịch vụ thủ tục hồ sơ tách thửa đối với thửa đất tại xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Buộc anh Hà Mạnh H1 phải trả cho chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của chị Nguyễn Thị L đối với anh Hà Mạnh H1.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Buộc anh Hà Mạnh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền là 18.650.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hà Đức H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003964 ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả anh Nguyễn Văn N số tiền 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003965 ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả

chị Nguyễn Thị L số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003966 ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Đức Nhưng